

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH DỰ ÁN TRUNG TÂM PHÁP Y
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025)

STT	Khoa, phòng chức năng	Định mức diện tích	Cơ sở áp dụng, vận dụng
I	KHỐI TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH PHÁP Y		
1	PHÒNG TỔ CHỨC – HÀNH CHÍNH – QUẢN TRỊ		
1.1	Phòng Giám đốc	20 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 7, Phụ lục II)
1.2	Phòng Phó Giám đốc (02 phòng)	20 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 7, Phụ lục II)
1.3	Phòng Trưởng phòng	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
1.4	Phòng Phó trưởng phòng	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
1.5	Phòng làm việc Tổ chức - Hành chính – Quản trị (5 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
1.6	Phòng tiếp khách	18 m ² (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (mục 7.8.5.1)
1.7	Phòng chuẩn bị	6 m ² (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (mục 7.8.5.1)
1.8	Phòng tiếp dân	18 m ² (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (mục 7.8.4.3)
1.9	Phòng họp nhỏ (10 người)	1,8 m ² / người, có bàn (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (mục 7.8.6.4)
2	PHÒNG KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH		
2.1	Phòng Trưởng phòng	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
2.2	Phòng Phó trưởng phòng	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)

STT	Khoa, phòng chức năng	Định mức diện tích	Cơ sở áp dụng, vận dụng
2.3	Phòng làm việc Kế hoạch - Tài chính (5 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
2.4	Kho vật tư	15 - 18 m ² /phòng	TCVN 4470:2012 (phòng quản lý trang thiết bị trong ô C.6, bảng 4, mục 6.2.7)
2.5	Phòng kho lưu trữ	36 - 45 m ² / phòng	TCVN 4470:2012 (phòng lưu trữ hồ sơ trong bảng 34, mục 6.5.3)
2.6	Phòng họp lớn (45 chỗ)	1,8 m ² / người, có bàn (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (Phụ lục B phòng họp lớn)
3	KHOA GIÁM ĐỊNH		
3.1	Phòng Trưởng khoa	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
3.2	Phòng Phó trưởng khoa	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
3.3	Phòng Hành chính (Khoa Giám định tổng hợp) (6 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
3.4	Phòng Giám định tổn hại sức khỏe	12 - 15 m ² /chỗ	TCVN 4470:2012 (phòng khám Răng – hàm – mặt trong ô B.9, bảng 4, mục 6.2.7)
3.5	Phòng Giám định tình dục	15 - 18 m ² /chỗ	TCVN 4470:2012 (phòng khám phụ khoa trong ô B.8, bảng 4, mục 6.2.7)
3.6	Phòng chuẩn bị dụng cụ	18 m ² /bàn	TCVN 4470:2012 (phòng thủ thuật – chỗ rửa, hấp, chuẩn bị dụng cụ trong bảng 10, mục 6.3.6.7)
3.7	Phòng cho cán bộ dẫn	15 - 18 m ²	TCVN 4470:2012

STT	Khoa, phòng chức năng	Định mức diện tích	Cơ sở áp dụng, vận dụng
	người đi giám định	/phòng	(phòng trực bác sĩ trong ô 13, bảng 8, mục 6.3.1.8)
3.8	Phòng chụp ảnh dấu vết	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
3.9	Phòng họp nhỏ (8 người)	1,8 m ² / người, có bàn (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (mục 7.8.6.4)
4	KHOA XÉT NGHIỆM - CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		
A	KHU CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH		
4.1	Phòng Trưởng khoa	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
4.2	Phòng Hành chính (Khoa xét nghiệm - chẩn đoán hình ảnh) (5 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
4.3	Phòng đo điện tim , điện não đồ	9 m ² /máy (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng siêu âm trong ô C, bảng 23, mục 6.4.2.8)
4.4	Phòng siêu âm	9 m ² /máy (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng siêu âm trong ô C, bảng 23, mục 6.4.2.8)
4.5	Phòng chụp và chiếu X quang	24 - 36 m ² /phòng	TCVN 4470:2012 (phòng X quang trong ô C.3, bảng 4, mục 6.2.7)
4.6	Phòng họp nhỏ(7 người)	1,8 m ² / người, có bàn (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (mục 7.8.6.4)
B	KHU XÉT NGHIỆM CẬN LÂM SÀNG		
4.7	Phòng Phó trưởng khoa	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
4.8	Phòng nhận mẫu	18 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng lấy mẫu trong bảng 25, mục 6.4.3.6)
4.9	Phòng xử lý, cố định mẫu	18 m ² /phòng	TCVN 4470:2012 (phòng lấy mẫu trong bảng

STT	Khoa, phòng chức năng	Định mức diện tích	Cơ sở áp dụng, vận dụng
		(tối thiểu)	25, mục 6.4.3.6)
4.10	Phòng pha chế thuốc thử	24 - 42 m ² /phòng	TCVN 4470:2012 (phòng pha thuốc nước và phòng pha chế các loại thuốc khác trong bảng 30, mục 6.4.9)
4.11	Phòng giám định cồn	18 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng lấy mẫu trong bảng 25, mục 6.4.3.6)
4.12	Phòng giám định độc chất, ma túy	54 m ² /phòng (tối thiểu)	
4.12.1	Phòng nhận xử lý mẫu	18 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng lấy mẫu trong bảng 25, mục 6.4.3.6)
4.12.2	Phòng chạy máy	18 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng lấy mẫu trong bảng 25, mục 6.4.3.6)
4.12.3	Phòng đọc kết quả	18 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng lấy mẫu trong bảng 25, mục 6.4.3.6)
4.13	Kho hóa chất	12 - 15 m ² /phòng	TCVN 4470:2012 (kho chứa hóa chất trong ô C.7, bảng 4, mục 6.2.7)
5	KHOA GIẢI PHẪU BỆNH		
5.1	Phòng Trưởng khoa	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
5.2	Phòng Phó trưởng khoa	18 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 8, Phụ lục II)
5.3	Phòng Hành chính (Khoa giải phẫu bệnh) (6 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
5.4	Nhận và xử lý mẫu	24 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng nhận và xử lý bệnh phẩm trong bảng 27, mục 6.4.5.3)
5.5	Phòng cắt và nhuộm	36 m ² /phòng	TCVN 4470:2012

STT	Khoa, phòng chức năng	Định mức diện tích	Cơ sở áp dụng, vận dụng
	tiêu bản		(phòng cắt, nhuộm bệnh phẩm trong bảng 27, mục 6.4.5.3)
5.6	Phòng đọc và lưu tiêu bản	24 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng ảnh, đọc tiêu bản trong bảng 27, mục 6.4.5.3)
5.7	Phòng họp nhỏ (8 người)	1,8 m ² / người, có bàn (tối thiểu)	TCVN 4601:2012 (mục 7.8.6.4)
5.8	Kho hóa chất	12 - 15 m ² /phòng	TCVN 4470:2012 (kho chứa hóa chất trong bảng 4, mục 6.2.7)
II	KHU NHÀ ĐẠI THỂ		
1	Phòng mổ xác	36 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng khám nghiệm tử thi trong bảng 27, mục 6.4.5.3)
2	Phòng đẻ xác	24 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng lưu tử thi trong bảng 27, mục 6.4.5.3)
3	Phòng lưu bệnh phẩm	24 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng lưu trữ bệnh phẩm trong bảng 27, mục 6.4.5.3)
4	Phòng hỗ trợ điều tra (1 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
5	Phòng nhân viên y tế (1 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)
6	Phòng khám liệt	24 m ² /phòng (tối thiểu)	TCVN 4470:2012 (phòng dịch vụ tang lễ trong bảng 27, mục 6.4.5.3)
7	Khu trả xác (1 người)	15 m ² /người (tối đa)	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (STT 9, Phụ lục II)

Lưu ý:

- *Các diện tích sử dụng chung: Khi phân bổ các diện tích sử dụng sử dụng chung, chủ đầu tư sẽ rà soát đảm bảo diện tích dùng chung tối đa không quá 85% tổng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh.*

- *Các phòng chức năng phụ trợ (nhà xe, khu vệ sinh,...), hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước, điện): Căn cứ TCVN 4601:2012 và TCVN 4470:2012 để áp dụng cho phù hợp.*